



MARKET LENS

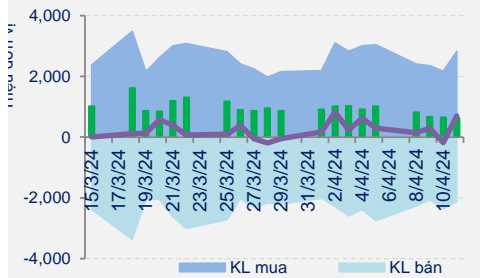
Phiên giao dịch ngày: 11/4/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

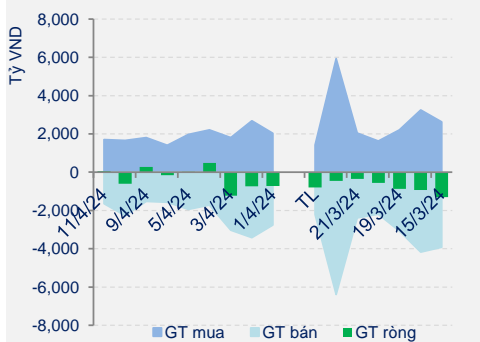
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,258.20	239.07
% Thay đổi	↓ -0.03%	↑ 0.12%
KLGD (CP)	636,082,832	78,249,566
GTGD (tỷ đồng)	16,510.18	1,753.68
Tổng cung (CP)	2,111,137,566	123,727,200
Tổng cầu (CP)	2,814,261,489	125,583,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,438,256	1,142,087
KL mua (CP)	57,448,273	3,056,380
GT mua (tỷ đồng)	1,697.92	104.34
GT bán (tỷ đồng)	1,646.95	26.89
GT ròng (tỷ đồng)	50.97	77.45

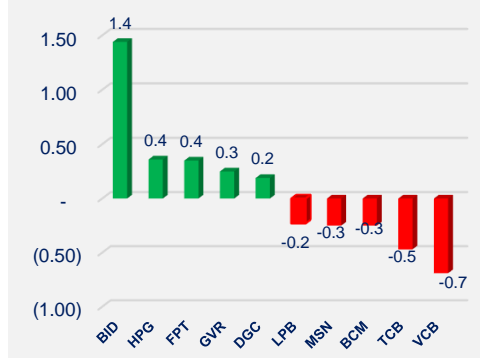
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đón nhận thông tin Bộ Lao động Mỹ cho biết, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng 0,4% trong tháng 3 và cao hơn 3,5% so với một năm trước. CPI lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng đã tăng 3,8% so với cùng kỳ và tăng 0,4% so với tháng 2, cao hơn dự đoán lần lượt là 3,7% và 0,3%. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 đã tăng với tốc độ nhanh hơn dự kiến, cho thấy lạm phát vẫn ở mức cao và có khả năng khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) phải giữ nguyên lãi suất. Các chỉ số chứng khoán chính của thị trường Mỹ đã giảm mạnh trước thông tin này, lợi tức trái phiếu các kỳ hạn tăng.

Thị trường, VN-INDEX với áp lực tâm lý từ thông tin trên, đầu phiên giảm điểm, tiếp tục kiểm tra lại vùng giá 1.245 điểm với thanh khoản suy giảm khá mạnh, phần nào thể hiện áp lực cung ngắn hạn không lớn. VN-INDEX sau đó dần phục hồi tốt trở lại trong phiên chiều với thanh khoản có cải thiện hơn. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,36 điểm (-0,03%) ở mức 1.258,20 điểm, duy trì trên vùng đỉnh giá năm 2023 tương ứng 1.245 điểm -1.255 điểm. VN30 trong vùng đỉnh giá năm 2023 tương ứng quanh 1.260 điểm -1.269 điểm, HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,28 điểm (0,12%) lên mức 239,06 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với 388 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 238 mã tăng giá (15 mã tăng trần) và 152 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 18.256,96 tỷ đồng được giao dịch, tăng nhẹ so với phiên trước, dưới mức trung bình. Thị trường dần phân hóa mạnh khi đang bắt đầu giai đoạn đánh giá các kế hoạch kinh doanh mới trong năm 2024 khi nhiều công ty đang tổ chức đại hội cổ đông 2024, cũng như đón chờ thông tin kết quả kinh doanh quý I/2024. Khối ngoại giảm giao dịch, mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay trên HOSE với giá trị 50,97 tỷ đồng; mua ròng khá trên HNX với giá trị 77,45 tỷ đồng, tập trung nhiều ở cổ phiếu PVS và SHS.

Mặc dù thị trường giao dịch chậm, chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình nhưng các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến khá tích cực khi đa số phục hồi tăng giá tốt với VFS (+3,72%), BVS (+2,67%), CTS (+2,14%), BSI (+1,57%)... ngoài các mã điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như VIG (-1,25%), VND (-0,91%), TVB (-0,76%)...

Trong khi đó các cổ phiếu thép lại có diễn biến khá tích cực ngay từ đầu phiên, phần nào hỗ trợ tâm lý thị trường phục hồi khá tốt trở lại với nhiều mã tăng giá tốt, thu hút lực cầu giá lên gia tăng, thanh khoản khá đột biến nổi bật như VGS (+ 5,41%), NKG (+3,83%), HSG (+1,10%)... ngoài POM (-6,95%). Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng phục hồi khá tốt sau khi chịu áp lực bán ngắn hạn khá mạnh phiên trước, thanh khoản cải thiện trên mức trung bình như POS (+5,81%), PVC (+3,80%), PVS (+2,89%), PVB (+2,86%)... ngoài PSH (-6,84%), OIL (-1,00%)...

Các cổ phiếu bất động sản nhiều mã cũng có diễn biến tương đối tích cực nổi bật với TCH (+5,92%), PXL (+2,22%), DIG (+2,17%)... tuy nhiên đa số chịu áp lực điều chỉnh với SJS (-4,37%), CIG (-4,01%), QCG (-3,91%), FIR (-2,71%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh, với đa số có xu hướng tích lũy trong biên độ hẹp kéo dài như LPB (-2,40%), NVB (-1,90%), TCB (-1,20%)... ngoài BID (+1,92%), SGB (+1,37%), ABB (+1,23%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 tăng 2,9 điểm (+0,23%), chênh lệch dương 0,14 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước, ở mức trung bình.. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi kiểm định kháng cự quanh 1.270 điểm (MA20 phiên), hỗ trợ quanh 1.240 điểm, vùng giá thấp đầu tháng 3/2024. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,74 điểm đến 2,14 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương với mức chênh lệch gia tăng theo kỳ hạn cho thấy các trader nghiêng về VN30 sẽ phục hồi ngắn hạn, kỳ vọng lạc quan ở các xu hướng lớn hơn.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi diễn biến thị trường chứng khoán Mỹ đêm hôm qua nhưng thị trường tiếp tục cho thấy phản ứng tích cực tại vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm khi phục hồi và Vn-Index chỉ giảm nhẹ -0,36 điểm (-0,03%) và đóng cửa ở 1.258,2 điểm.

Như chúng tôi đã phân tích trong các bản tin gần đây, trong ngắn hạn VN-Index đang vận động trong nền tích lũy và nền này đã đủ để thị trường có thể hình thành nhịp tăng tiếp theo và hướng tới vượt cản 1.300 điểm nhưng ngưỡng cản này là cản mạnh nên quá trình đi ngang, rung lắc và rũ bỏ vẫn có thể tiếp tục diễn ra. Việc thị trường có nhiều phiên kiểm định thành công ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm sẽ gia tăng thêm sự tin cậy nếu Vn-Index bùng nổ hướng tới và vượt 1.300 điểm sau đó. Trong trường hợp kém tích cực nếu Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 điểm thì rủi ro ngắn hạn sẽ tăng lên bởi Vn-Index có nguy cơ bước vào nhịp giảm ngắn hạn với hỗ trợ sâu hơn quanh 1.150 điểm.

Về trung hạn thị trường đang tích lũy trong kênh 1.250 điểm -1.300 điểm chuẩn bị cho nhịp tăng vượt cản 1.300 điểm để hình thành uptrend nhưng dự báo thời gian tích lũy có thể còn kéo dài. Trong tình huống xấu hơn Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 điểm để trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm -1.250 điểm.

Vn-Index tiếp tục test thành công ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân trong các phiên tiếp theo nếu thị trường có tín hiệu tăng điểm trở lại tuy nhiên trong trường hợp tiêu cực VnIndex không giữ được mốc 1.250 điểm trong các phiên tới thì rủi ro thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn tăng lên, trong trường hợp đó nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi vận động điều chỉnh. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và đã trải qua nhiều nhịp rung lắc, tuy nhiên Vn-Index sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và tiếp tục quá trình tích lũy, nhà đầu tư trung hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì hiện tại danh mục đã ổn định, trong trường hợp cần giải ngân thêm vẫn có thể tiến hành nhưng trên quan điểm kiên nhẫn chờ đợi quá trình tích lũy ổn định hơn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	42.85	42.5-43.5	50-52	40	12.3	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
IDC	57.50	54-55	66-68	52	13.6	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
GVR	31.90	29.5-30.5	35-36	28	49.4	-15.8%	27.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	39.70	36.5-37.5	43-44	35	16.7	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	35.00	32.5-34	38-39	31	10.5	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.45	14.3-14.6	18-18.6	13.5	7.4	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	27.80	26-27	30-31	25	6.4	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	81.10	76-77	84-85	73	15.4	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân
EVF	15.00	13.7-14.2	16-16.5	13	20.1	29.1%	-56.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	22.05	18.09	23-24	21	21.9%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Tỷ giá trên thị trường tự do dựng đứng, liên ngân hàng tăng 0,21%

Tính đến 14 giờ ngày 11/4, USD tự do tăng 165 đồng ở chiều mua vào, giao dịch tại 25.505 VND/USD và tăng 135 đồng chiều bán ra, ở mức 25.585 VND/USD. Tỷ giá tại các ngân hàng thương mại đồng loạt tăng mạnh từ 40 – 61 đồng. Đây là diễn biến không khó đoán trong bối cảnh chỉ số đồng USD dựng đứng kỷ lục... Ngày 11/4, Ngân hàng Nhà nước niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.046 VND/USD. Với biên độ +/-5% theo quy định, tỷ giá sàn ngày 11/4 là 22.844 VND/USD, tỷ giá trần là 25.248 VND/USD. Kết thúc phiên giao dịch sáng 11/4, tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng tăng 0,21% so với phiên 10/4; tăng 3,07% kể từ đầu năm. Các ngân hàng thương mại đồng loạt điều chỉnh tăng mạnh tỷ giá trong sáng nay.

CPI tháng 3 của Mỹ tăng vượt dự báo

CPI cơ bản của Mỹ lại vượt dự báo tháng thứ 3 liên tiếp, có khả năng trì hoãn việc cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Giá xăng, các khoản thế chấp và tiền thuê nhà của Mỹ tăng cao ngất ngưỡng. Các chỉ số này khiến lạm phát nền kinh tế lớn nhất thế giới vượt xa dự kiến trong tháng 3, làm tăng thêm cuộc chiến của người Mỹ với chi phí cao. Cụ thể, Bộ Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng 0,4% trong tháng 3 và cao hơn 3,5% so với một năm trước, nhanh hơn tốc độ 3,2% của tháng 2. Ngoài ra, CPI lõi - không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng - của Mỹ đã tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng 0,4% so với tháng 2, cao hơn dự đoán lần lượt là 3,7% và 0,3%.

Giá xăng RON 95-III tăng 20 đồng, lên mốc 24,820 đồng/lít

Từ 15h ngày 11/4, giá xăng E5 RON 92 được điều chỉnh giảm 70 đồng, còn xăng RON 95 tăng 20 đồng/lít. Từ đầu năm đến nay, giá xăng RON 95 đã có 9 lần tăng và 6 lần giảm. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 20 đồng, lên 24,820 đồng; E5 RON 92 giảm 70 đồng, xuống 23,840 đồng một lít. Tương tự, giá dầu được điều chỉnh tăng mạnh trong kỳ điều hành này. Cụ thể, giá dầu diesel tăng 630 đồng, lên 21,610 đồng/lít. Tại kỳ điều hành này, liên Bộ vẫn duy trì không sử dụng trích hay chi Quỹ bình ổn giá.

ADB chỉ ra nhiều rủi ro hiện hữu, dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6% năm 2024

ADB cho rằng nền kinh tế Việt Nam hưởng lợi từ sự phục hồi tăng trưởng tương đối, chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ nhưng cũng đối mặt với các rủi ro, chủ yếu từ bên ngoài. Với các rủi ro trong nước, đại diện ADB tin rằng Chính phủ sẽ có biện pháp xử lý kịp thời. Với xu hướng trên, ADB dự báo tăng trưởng GDP sẽ ở mức 6,0% cho năm 2024 và 6,2%. Lạm phát ở mức 4% trong cả hai năm. Sự phục hồi tăng trưởng được kỳ vọng tương đối toàn diện trong các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu, dịch vụ và nông nghiệp ổn định sẽ giúp quá trình phục hồi từng bước khả thi.



TIN DOANH NGHIỆP

TNG lên kế hoạch lợi nhuận năm 2024 tăng trưởng gần gấp rưỡi, chia cổ tức 16%

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG – sàn HNX) vừa công bố tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, đại hội sẽ được tổ chức ngày 21/4 tới đây. Theo đó, TNG lên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với chỉ tiêu doanh thu 7.900 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 310 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 11,35% và 41,27% so với kết quả đạt được năm 2023. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến duy trì ở mức tối thiểu 16%. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, TNG dự kiến sẽ trích hơn 181,6 tỷ đồng để trả cổ tức với tỷ lệ 16%, trong đó Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt 8% và dự kiến phát hành hơn 9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức 8%.

VIB chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 6,5%

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB – sàn HOSE) cho biết, ngày 19/4 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức còn lại năm 2023 với tỷ lệ 6,5%, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ được nhận 650 đồng. Như vậy, với hơn 2.536,8 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, VIB sẽ phải chi gần 1.650 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 18/4, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 17/5.

ĐHĐCĐ Hoà Phát: Đã bán hết tồn kho giá cao, ước lãi sau thuế 2.800 tỷ đồng quý I

Ban điều hành Hoà Phát nhận định, năm 2024 doanh thu dự kiến tăng so với năm 2023 phần lớn là từ sản lượng do kỳ vọng sự quay trở lại của các nhà phát triển bất động sản sau khi Luật Đất đai 2024 được ban hành. Sáng 11/4, CTCP Tập đoàn Hoà Phát (Mã: HPG) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 tại Hà Nội. Mở đầu buổi họp, ông Trần Đình Long - Chủ tịch HĐQT đã cập nhật thông tin tới các nhà đầu tư, theo thông tin từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD), tập đoàn có trên 170.000 cổ đông tính tới ngày chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ. Năm nay, tập đoàn lên kế hoạch doanh thu 140.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 10.000 tỷ đồng, lần lượt tăng 18% và 47% so với thực hiện năm 2023.

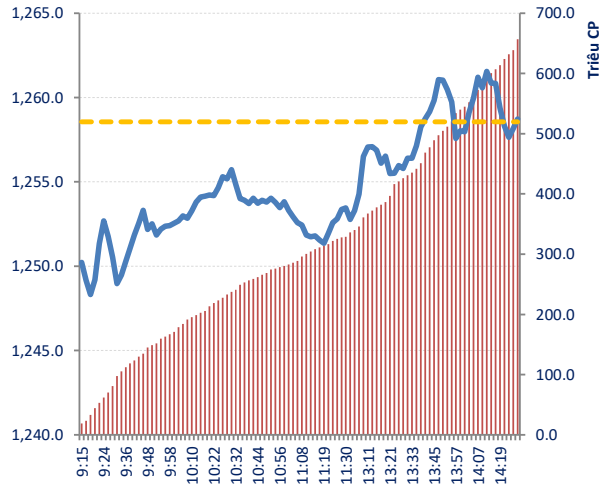
Vietbank "phần đầu" lãi hơn ngàn tỷ, chia cổ tức 25%, niêm yết HOSE

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank, UPCoM: VBB) vừa công bố tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2024 với kế hoạch kinh doanh, tăng vốn điều lệ, chia cổ tức và tiếp tục niêm yết lên sàn HOSE. Trong năm 2024, Vietbank dự kiến phát hành gần 144.5 triệu cp để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tương ứng tỷ lệ 25%. Tổng mệnh giá phát hành tương ứng gần 1,445 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế lũy kế để lại đến 31/12/2023. Thời điểm thực hiện dự kiến trong quý 3, 4/2024.

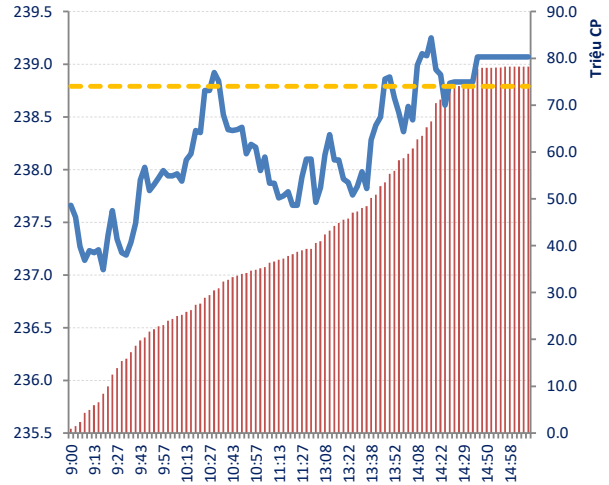


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

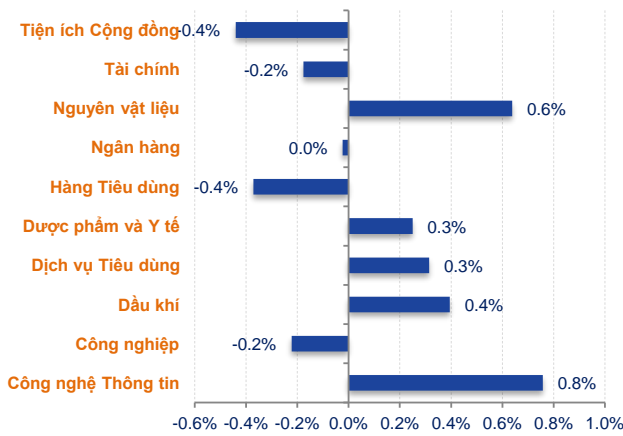
KLGD và VN-Index trong phiên



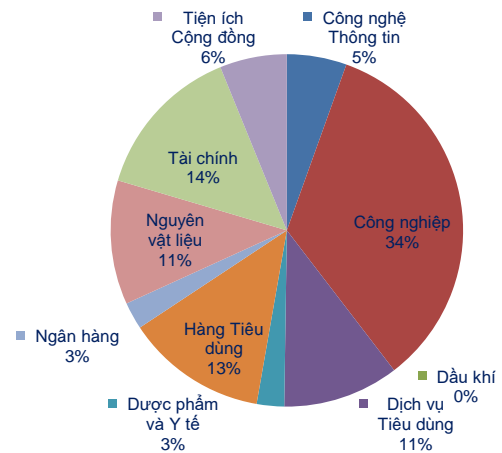
KLGD và HNX-Index trong phiên



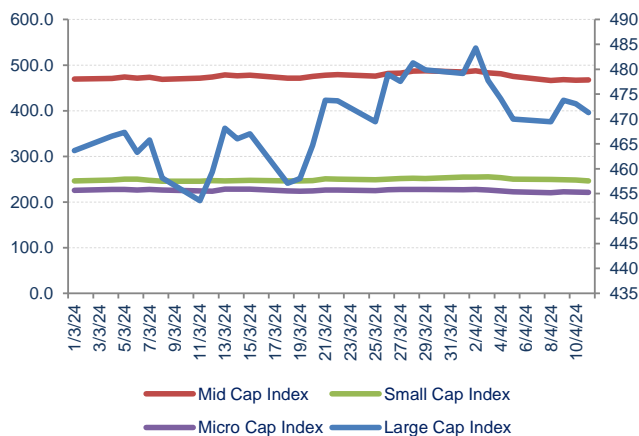
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



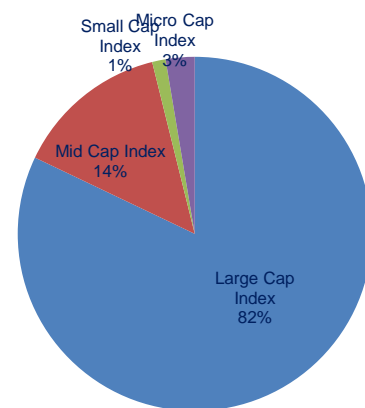
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TCH	5,658,100	VHM	5,588,261	1	PVS	1,526,800	CEO	173,600
2	VPD	5,379,189	NVL	2,844,134	2	SHS	345,100	TA9	150,000
3	SBT	4,785,400	VIC	1,541,316	3	VGS	210,500	MBS	102,600
4	SSI	2,304,686	KDC	1,382,456	4	IDC	132,600	TNG	33,200
5	KBC	1,677,237	SHB	1,059,574	5	TIG	115,600	MST	30,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	17.75	17.75	→ 0.00%	32,731,800	SHS	19.80	20.10	↑ 1.52%	19,849,798
VIX	19.20	19.15	↓ -0.26%	26,483,000	CEO	22.50	22.30	↓ -0.89%	9,879,686
TCH	16.05	17.00	↑ 5.92%	22,648,200	PVS	41.50	42.70	↑ 2.89%	8,882,913
DIG	32.30	33.00	↑ 2.17%	22,049,900	PVC	15.80	16.40	↑ 3.80%	3,516,109
HPG	29.65	29.90	↑ 0.84%	19,476,200	MBS	28.80	29.00	↑ 0.69%	3,012,006

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	46.50	49.75	3.25	↑ 6.99%	CCR	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
DXV	5.31	5.68	0.37	↑ 6.97%	ARM	24.30	26.70	2.40	↑ 9.88%
APC	6.84	7.31	0.47	↑ 6.87%	TA9	14.20	15.60	1.40	↑ 9.86%
DCL	25.65	27.40	1.75	↑ 6.82%	LDP	22.40	24.60	2.20	↑ 9.82%
DAG	2.98	3.18	0.20	↑ 6.71%	TJC	13.80	15.10	1.30	↑ 9.42%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVT	27.75	25.40	-2.35	↓ -8.47%	SEB	50.10	45.10	-5.00	↓ -9.98%
TTE	9.44	8.78	-0.66	↓ -6.99%	DHP	12.20	11.00	-1.20	↓ -9.84%
POM	4.03	3.75	-0.28	↓ -6.95%	SFN	26.80	24.20	-2.60	↓ -9.70%
PSH	5.85	5.45	-0.40	↓ -6.84%	PIA	29.00	26.20	-2.80	↓ -9.66%
HAS	7.38	6.88	-0.50	↓ -6.78%	KTT	4.30	3.90	-0.40	↓ -9.30%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	32,731,800	1.3%	311	57.2	0.8
VIX	26,483,000	11.6%	1,444	13.3	1.5
TCH	22,648,200	5.1%	890	18.0	0.9
DIG	22,049,900	1.5%	195	165.9	2.5
HPG	19,476,200	6.9%	1,175	25.2	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	19,849,798	5.7%	688	28.8	1.6
CEO	9,879,686	3.0%	402	56.0	1.9
PVS	8,882,913	7.7%	2,148	19.3	1.5
PVC	3,516,109	2.2%	337	46.8	1.2
MBS	3,012,006	12.3%	1,334	21.6	2.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	23.0%	6,342	7.3	1.7
DXV	↑ 7.0%	-7.8%	(842)	-	0.5
APC	↑ 6.9%	-5.9%	(1,789)	-	0.2
DCL	↑ 6.8%	4.3%	845	30.4	1.3
DAG	↑ 6.7%	-46.1%	(4,291)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCR	↑ 10.0%	5.0%	569	19.3	1.0
ARM	↑ 9.9%	10.7%	1,256	19.3	2.0
TA9	↑ 9.9%	14.7%	1,853	7.7	1.1
LDP	↑ 9.8%	-19.6%	(1,583)	-	3.1
TJC	↑ 9.4%	24.0%	4,654	3.0	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	5,658,100	5.1%	890	18.0	0.9
VPD	5,379,189	12.3%	1,787	15.4	1.9
SBT	4,785,400	5.3%	741	16.7	0.8
SSI	2,304,686	10.1%	1,531	24.1	2.4
KBC	1,677,237	10.7%	2,646	12.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,526,800	7.7%	2,148	19.3	1.5
SHS	345,100	5.7%	688	28.8	1.6
VGS	210,500	6.1%	1,090	23.8	1.4
IDC	132,600	22.6%	4,223	13.6	3.1
TIG	115,600	8.7%	1,147	11.0	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	528,169	22.0%	5,910	16.0	3.2
BID	296,423	18.9%	3,773	13.8	2.4
VHM	192,463	20.2%	7,664	5.8	1.1
VIC	185,448	1.5%	557	87.0	1.3
GAS	181,902	18.4%	5,053	15.7	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,836	7.7%	2,148	19.3	1.5
IDC	18,975	22.6%	4,223	13.6	3.1
HUT	16,511	0.6%	89	208.9	1.5
SHS	16,101	5.7%	688	28.8	1.6
THD	13,513	2.9%	458	76.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	2.86	1.4%	296	108.6	1.5
IDI	2.56	1.7%	254	47.5	0.8
VOS	2.51	9.7%	1,110	10.3	1.0
DGW	2.41	14.0%	2,160	28.7	3.9
GEX	2.35	1.6%	388	60.0	0.9

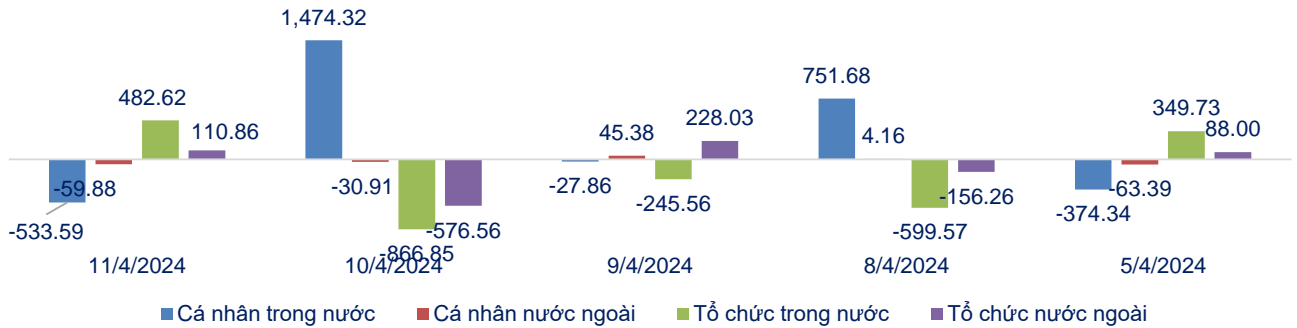
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.91	5.2%	733	18.4	1.2
SHS	2.44	5.7%	688	28.8	1.6
DTD	2.37	19.9%	4,407	6.4	1.1
HUT	2.28	0.6%	89	208.9	1.5
TTH	2.25	4.6%	517	8.5	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	238.58	20.2%	7,664	5.8	1.1
KDC	89.58	2.0%	555	113.3	2.4
VIC	75.94	1.5%	557	87.0	1.3
STB	58.09	18.3%	4,094	7.1	1.2
HSG	46.21	7.5%	1,321	17.1	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TDM	-442.38	13.9%	2,802	15.9	2.1
VPD	-158.68	12.3%	1,787	15.4	1.9
TCH	-89.07	5.1%	890	18.0	0.9
MWG	-84.84	0.7%	115	453.8	3.3
SSI	-78.26	10.1%	1,531	24.1	2.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	1.58	1.1%	293	247.1	2.7
VNM	1.08	26.2%	4,248	15.7	4.0
NSC	0.89	16.0%	12,683	6.0	0.9
HPX	0.84	3.6%	419	17.1	0.6
VIX	0.84	11.6%	1,444	13.3	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-39.06	23.5%	3,961	6.0	1.3
VPB	-17.40	8.2%	1,433	13.5	1.1
VHM	-10.75	20.2%	7,664	5.8	1.1
VIC	-1.73	1.5%	557	87.0	1.3
BID	-1.20	18.9%	3,773	13.8	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TDM	442.38	13.9%	2,802	15.9	2.1
TCB	49.59	14.7%	5,118	8.9	1.2
MBB	33.35	23.5%	3,961	6.0	1.3
ACB	33.27	24.8%	4,131	6.6	1.5
FUEVFNDD	30.88	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-62.24	18.3%	4,094	7.1	1.2
VPB	-31.31	8.2%	1,433	13.5	1.1
HSG	-23.23	7.5%	1,321	17.1	1.3
PLX	-20.68	9.9%	2,230	16.4	1.6
TPB	-18.71	13.7%	2,019	9.1	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

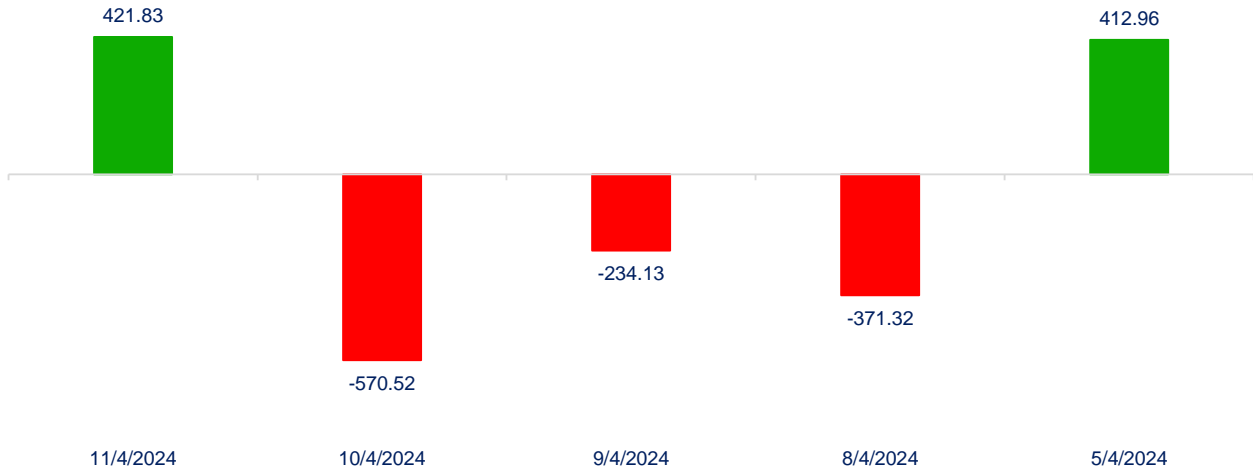
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPD	158.68	12.3%	1,787	15.4	1.9
TCH	94.24	5.1%	890	18.0	0.9
SSI	85.56	10.1%	1,531	24.1	2.4
MWG	74.28	0.7%	115	453.8	3.3
SBT	59.30	5.3%	741	16.7	0.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

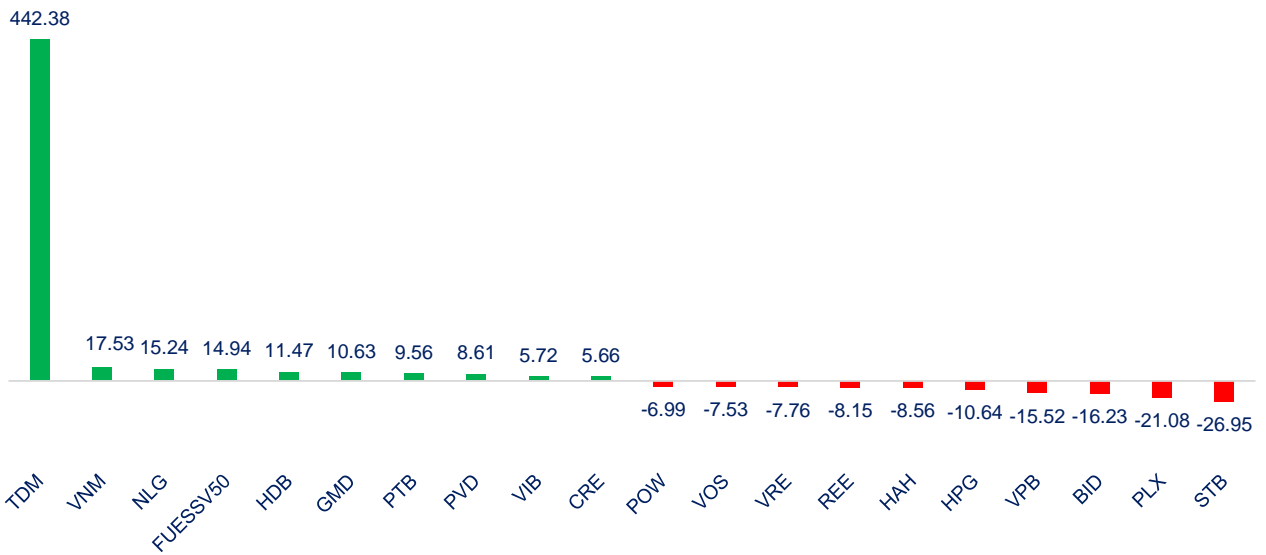
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-235.43	20.2%	7,664	5.8	1.1
KDC	-89.29	2.0%	555	113.3	2.4
VIC	-73.35	1.5%	557	87.0	1.3
VNM	-53.75	26.2%	4,248	15.7	4.0
NVL	-50.31	1.3%	311	57.2	0.8



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn